

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/4/2024

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Vân Anh**

Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1970 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Ông **Đào Ngọc T**, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Phạm Thị B** trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị B** và anh **Đào Ngọc T** tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống vào năm 2002, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Thái Sơn cấp

giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2017. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi về kinh tế. Đến đầu năm 2020 do mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Phạm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Đào Ngọc T.

- Về con chung: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T có 04 người con chung tên Đào Thị H, sinh năm 1999, Đào Thị H, sinh năm 2000, Đào Ngọc K, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng người con chung tên Đào Ngọc T, sinh ngày 25/6/2008 hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn chị Phạm Thị B đồng ý giao con chung tên Đào Ngọc T cho anh T nuôi dưỡng và chị B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đào Ngọc T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh Đào Ngọc T và chị Phạm Thị B và tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Nam Thái Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2017. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi về kinh tế, chị B ngoại tình với người đàn ông khác. Đến năm 2020 do mâu thuẫn nên anh T và chị B đã sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Phạm Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Đào Ngọc T thì anh T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Đào Ngọc T và chị Phạm Thị B có 04 người con chung tên Đào Thị H, sinh năm 1999, Đào Thị H, sinh năm 2000, Đào Ngọc K, sinh năm 2005 đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng người con chung tên Đào Ngọc T, sinh ngày 25/6/2008 hiện đang ở với anh T. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Đào Ngọc T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Đào Ngọc T và chị Phạm Thị B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Anh Đào Ngọc T và chị Phạm Thị B không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Phạm Thị B được ly hôn anh Đào Ngọc T; Giao con chung Đào Ngọc T, sinh năm 2008 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đào Ngọc T không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Buộc chị Phạm Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị B thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa Thuận, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về hôn nhân:* Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T là vợ chồng hợp pháp do có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/8/2017. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị B và anh T mà chị B đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau về kinh tế. Đến năm 2020

anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và cũng không còn liên hệ, gặp gỡ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này đã được chị B và anh T thừa nhận. Nay chị B yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa chị B và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị B.

[3.2] *Về con chung*: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T có 04 người con chung tên Đào Thị H, sinh năm 1999, Đào Thị H, sinh năm 2000, Đào Ngọc K, sinh năm 2005 và Đào Ngọc T, sinh ngày 25/6/2008 hiện đang ở với anh T. Anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Đào Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu T từ trước đến nay đều sống với anh T, do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị B cũng đồng ý với yêu cầu này của anh T nên Hội đồng xét xử giao cháu Đào Ngọc T cho anh T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Riêng các con chung tên Đào Thị H, sinh năm 1999, Đào Thị H, sinh năm 2000, Đào Ngọc K, sinh năm 2005 đã trưởng thành chị B và anh T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Đào Ngọc T không yêu cầu chị Phạm Thị B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị Phạm Thị B và anh Đào Ngọc T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Phạm Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Phạm Thị B ly hôn với anh Đào Ngọc T.
2. *Về con chung:* Giao cho anh Đào Ngọc T được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Đào Ngọc T, sinh ngày 25/6/2008 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Phạm Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị B có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị Phạm Thị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007042 ngày 02/02/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Phạm Thị B không phải nộp thêm.

4. *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Nam Thái Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang